

Số: /GP-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đợt 4 năm 2023 và đợt 1 năm 2025;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của Công ty TNHH MTV Đông Bắc ngày 08 tháng 9 năm 2025, được Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận ngày 15 tháng 9 năm 2025 và Biên bản họp của Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản ngày 14 tháng 10 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 272/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đông Bắc được thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

- Loại khoáng sản: đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường.
- Vị trí khu vực thăm dò: thôn Đồn Hang và thôn Mãn Sơn, xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Hồng Sơn, tỉnh Tuyên Quang).

3. Diện tích khu vực được thăm dò: 21,19 ha được giới hạn bởi các điểm khép góc có toạ độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II của Giấy phép này.

4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức +20 m đến mức +191 m.

5. Phương pháp và khối lượng công tác thăm dò: theo Đề án thăm dò khoáng sản đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường thôn Đồn Hang và thôn Mãn Sơn, xã Hồng Sơn, tỉnh Tuyên Quang do Công ty cổ phần Công nghệ Bắc Bán Cầu lập.

6. Thời gian thăm dò: 12 tháng, kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản có hiệu lực.

Điều 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đông Bắc có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện thăm dò đá cát kết theo phương pháp, khối lượng và thời gian tại Đề án thăm dò khoáng sản do Công ty cổ phần Công nghệ Bắc Bán Cầu lập kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản này.

3. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò theo quy định của pháp luật về khoáng sản tại Sở Nông nghiệp và Môi trường; nộp báo cáo vào Lưu trữ theo quy định hiện hành.

4. Bồi thường thiệt hại (nếu có) do quá trình hoạt động thăm dò gây ra.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hồng Sơn; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đông Bắc chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHC công tỉnh (bản chính);
- Sở Nông nghiệp và MT (02 bản chính);
- Công ty TNHH MTV Đông Bắc (bản chính);
- Lưu: VT; KTN (Hồng, Tuấn Anh).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

Phụ lục I:

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ
 (Kèm theo Giấy phép thăm dò số: /GP-UBND ngày tháng 11 năm 2025
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Số hiệu điểm	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106, múi chiều 3	
	X (m)	Y (m)
1	2 388 485	421 997
2	2 388 510	422 035
3	2 388 576	422 017
4	2 388 659	422 165
5	2 389 078	422 448
6	2 388 886	422 709
7	2 388 577	422 481
8	2 388 377	422 111
9	2 388 409	422 097
10	2 388 396	422 038
Diện tích 21,19 ha		